| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 150/2019/DS-PT
Ngày: 30-5-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Phước Hội

*Các Thẩm phán*: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Ông Nguyễn Văn Vững

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lâm Hồng Diễm– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Tón- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02/5 và ngày 30/5/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 71/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2019/QĐPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa:

*1. Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Ngọc S, sinh năm 1960. (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm An T, phường An L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

*2. Bị đơn*: Ông Lương Văn C, sinh năm 1950. (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm An T, phường An L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Phạm Công V, sinh năm 1935 (anh bà S). (Vắng mặt)

3.2. Ông Phạm Phước V (anh bà S) (đã chết).

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng* của ông V gồm:

3.2.1. Bà Võ Thị K, sinh năm 1954 (vợ ông V). (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm An T, phường An L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

3.2.2. Chị Phạm Vĩnh Khoa P, sinh năm 1977 (con ông V). (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phường 7, Quận 8, Thành phố H.

Chỗ ở hiện nay: Phường 5, Quận 8, Thành phố H.

3.3. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1947 (chị bà S). (Vắng mặt)

Địa chỉ: phường Phú T, quận Tân P, Thành phố H.

3.4. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1956 (anh bà S). (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm An T, phường An L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Bà Dương Thị H, sinh năm 1952 (vợ ông C).

3.6. Anh Lương Thành N, sinh năm 1988 (con ông C).

3.7. Chị Lương Thị Kim T, sinh năm 1977 (con ông C).

3. 8. Chị Lương Thị Kim Th, sinh năm 1981 (con ông C).

3.9. Chị Lương Thị L, sinh năm 1984 (con ông C).

3.10. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1972 (con rể ông C).

- *Người đại diện theo ủy quyền* cho bà Dương Thị H, anh Lương Thành N, chị Lương Thị Kim T, chị Lương Thị Kim Th, chị Lương Thị L, anh Nguyễn Văn D là ông Lương Văn C (theo văn bản ủy quyền ngày 26/3/2018). (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm An T, phường An L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

3.11. Bà Lương Thị Minh Ch, sinh năm 1956 (con ông Lương Văn M đã chết).

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ch gồm*:

3.11.1. Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1978 (con bà C). (Vắng mặt)

3.11.2. Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1981 (con ông C). (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm An T, phường An L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

3.11.3. Chị Lê Thị Ngọc C, sinh năm 1984 (con bà C). (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phường 3, thành phố V, tỉnh V.

3.11.4. Chị Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1986 (con bà C). (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Thường T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3.11.5. Chị Lê Thị Ngọc Tr, sinh năm 1991 (con bà C). (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm An T, phường An L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp;

3.12. Bà Lương Thị Th, sinh năm 1962 (con ông Lương Văn M). (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Long T, xã Long K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3.13. Bà Lương Minh Th, sinh năm 1963 (con ông Lương Văn M). (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Long B, xã Long K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3.14. Bà Lương Thị Minh Kh, sinh năm 1966 (con ông Lương Văn M). (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm An T, phường An L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

3.15. Ông Lương Văn Mh, sinh năm 1970 (con ông Lương Văn M). (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Long T, xã Long K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

*4. Người làm chứng:*

4.1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1928. (Vắng mặt)

4.2. Ông Lương Văn H, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

4.3. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1947. (Vắng mặt)

4.4. Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1950. (Vắng mặt)

4.5. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1949. (Vắng mặt)

4.6. Ông Đỗ Trí D, sinh năm 1962. (Vắng mặt)

4.7. Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm An T, phường An L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

4.8. Ông Nguyễn Quang B, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm 5, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

4.9. Ông Trần Văn Kh, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp An P, xã An B, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

4.10. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1958. (Vắng mặt)

4.11. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1965. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm An T, phường An L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị Ngọc S là nguyên đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc S trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông nội bà tên Phạm Văn G để lại cho cha bà là ông Phạm Văn H với diện tích 14.583m$^2$ đất thổ cư, đất tọa lạc tại ấp An T, xã An B, huyện H (nay là khóm An T, phường An L, thị xã H), cha, mẹ bà có 05 người con: 1. Phạm Công V; 2. Phạm Phước V; 3. Phạm Thị P; 4. Phạm Văn L; 5. Phạm Thị Ngọc S là bà. Cha bà sử dụng phần đất này từ năm 1950 đến năm 2005 thì cha bà chết. Sau khi cha bà chết thì bà trực tiếp quản lý, sử dụng từ đó đến nay.

Vào năm 1993, cha bà có đi đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 14.583m$^2$ nhưng do phần đất bị quốc lộ 30 cắt ngang làm hai phần. Phần

phía Tây quốc lộ 30 cha bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 23.518m$^2$ bao gồm đất thổ, đất ao và đất cây lâu năm, hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất này Ủy ban nhân dân huyện H thu hồi bằng Quyết định số 16, ngày 07/01/2000. Phần đất phía Đông quốc lộ 30 có tranh chấp nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, nhưng được Nhà nước công nhận cho đăng ký vào sổ mục kê địa chính xã An B, có diện tích từ cửa hàng tol, thép Trần N ngang qua chạy dài 150m, từ chân quốc lộ 30 (mặt quốc lộ 6m) vào trong là 30m = 4.500m$^2$, tờ bản đồ số 17 (có nhiều thửa gồm thửa số 12, 5, 157…) vì đất chưa được cấp giấy nên thực tế chỉ trồng cây me tây và cha bà đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đối với tổng diện tích 14.583m$^2$ từ năm 1994 đến 2003.

Năm 2001, 2002 khi cha bà khiếu nại phần đất các hộ đang sử dụng bên phía Đông của quốc lộ 30 thì không có khiếu nại đối với hộ ông Lương Văn C vì khi đó phần đất hiện đang tranh chấp bỏ trống, ông C không sử dụng, cha bà nghĩ là đất của mình nên không tranh chấp.

Vào năm 2012 ông C có ý định bao chiếm đất của gia đình bà và đi đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng, bà biết được nên đã làm đơn yêu cầu ngăn chặn việc cấp giấy cho ông C, đến nay ông C vẫn chưa được cấp giấy, trước đây đất này gia đình bà trồng me tây, nhưng ông C đứng ra mạo nhận và đi kê khai giấy đất là vô lý. Bà biết rõ nguồn gốc đối với diện tích đất nhà ông C đang sử dụng và được cấp giấy trước đây là của ông Nguyễn Văn Kh (đã chết) cho ông Lương Văn M thuê trồng lúa, đến năm 1972 Luật người cày có ruộng và được Nhà nước Việt Nam cộng hòa cấp chứng minh thư được quyền sở hữu đất, sau khi ông D sử dụng và đã qua đời thì ông C là người sử dụng phần đất nêu trên. Việc ông C khai nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lương Văn M (bác ruột của ông C) cho ông Lương Văn D (cha ông C) quản lý, sử dụng. Vào năm 1975 ông M được chính quyền chế độ cũ cấp giấy chứng khoán. Đến năm 1988 ông D cho đất lại ông C quản lý, sử dụng cho đến nay chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc sử dụng có nhiều người biết và làm chứng gồm ông S, bà M, ông H, ông C, ông T, bà Nh. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai của tất của người làm chứng này thì nguồn gốc đất của gia đình ông C đã sử dụng ổn định lâu dài từ trước năm 1975 cho đến nay. Bà không thống nhất theo lời khai của tất cả những người làm chứng cho ông C.

Phần đất này là của cha bà việc này có những người làm chứng là Nguyễn Quang B, Trần Văn Kh,, Bùi Thị N, Bùi Thị T biết, cha bà chết để cho bà quản lý, sử dụng, các anh chị em bà không ai khiếu nại, tranh chấp phần đất này, nên bà khởi kiện yêu cầu ông Lương Văn C tháo dỡ, di dời các vật kiến trúc có trên đất để trả lại cho bà phần đất bao chiếm cặp Quốc lộ 30 với tổng diện tích là 219,1m$^2$, thuộc thửa đất số 5 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 64 đất tọa lạc tại khóm An T, phường An L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp. Bà không yêu cầu trả giá trị đất, vì hiện nay bà không có nhà ở, hoàn cảnh gặp khó khăn, bà thống nhất theo mảnh trích đo số 59-2018 mà Tòa án đã tiến hành thẩm định và thống nhất giá đất theo Hội đồng định giá đã định.

- Bị đơn ông Lương Văn C và là người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị H, anh Lương Thành Ng, chị Lương Thị Kim T, chị Lương Thị Kim Th, chị Lương Thị L và anh Nguyễn Văn D trình bày:

Nguồn gốc đất mà bà Phạm Thị Ngọc S yêu cầu ông trả là của ông Lương

Văn M (đã chết) và bà Lôi Thị K (đã chết) cho cha ông là ông Lương Văn D sử dụng từ khi ông còn rất nhỏ (trước năm 1975). Đến năm 1988 cha ông cho lại ông. Việc ông M và bà K cho không làm giấy tờ, nhưng đến thời điểm này các con và cháu của ông M và bà K đều thừa nhận và thống nhất ông bà của họ đã cho cha ông, họ không khiếu nại hay tranh chấp đối với phần đất đã cho.

Trước khi cho đất thì ông M đã có giấy "Chứng thư cấp quyền sở hữu" thời chế độ cũ được cấp vào năm 1972. Sau khi cho cha ông và đến nay ông là người sử dụng đất nhưng hiện nay chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất của ông có những người làm chứng là Lương Văn H, Nguyễn Văn C, Đỗ Văn T, Nguyễn Thị Nh, Đỗ Trí D, Đỗ Văn S, Nguyễn Thị M biết. Thời gian trước đây ông có đến Cơ quan có thẩm quyền xin đăng ký quyền sử dụng đất nhưng bà S đứng ra ngăn cản nên vẫn chưa được cấp giấy. Hiện nay đất không có thế chấp hay cầm cố cho người khác mà hiện do gia đình ông đang quản lý sử dụng.

Ông không đồng ý theo yêu cầu của bà S về việc trả lại diện tích đất 219,1m$^2$, tại thửa đất số 5 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 64 đất tọa lạc tại khóm An T, phường An L, thị xã H, vì phần đất này nguồn gốc không phải của ông Phạm Văn H là cha bà S).

Theo ông biết thì đất của ông H cha của bà S là hướng Tây (bên kia) Quốc lộ 30, còn hướng Đông (bên đây) Quốc lộ 30, thuộc thửa số 5 và một phần thửa số 12 không phải đất ông H. Thời điểm ông M cho đất thì đất trồng rẫy và có 01 cái ao (hầm), sau khi ông trực tiếp quản lý, sử dụng thì ông có tôn tạo lại để cất nhà ở, đến năm 2012, ông có bơm cát nâng nền và thuê người đắp đất thêm, nhưng do ao sâu nên hiện nay một gốc ao vẫn còn trũng nằm một phần mà bà S tranh chấp. Ông không đồng ý trả đất và yêu cầu tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp, phần cát bơm và đất đã san lắp ông cũng không yêu cầu.

-Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Bà Phạm Thị P trình bày: Bà là chị ruột của bà S. Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông nội bà để lại cho cha ông Phạm Văn H vào năm 1950, bà không biết rõ diện tích cụ thể bao nhiêu nhưng bà S là người sống cùng cha mẹ từ nhỏ nên biết rõ cụ thể diện tích đất, bà S cũng đã nộp cho Tòa án những chứng cứ có liên quan đến vụ án. Trước đây thì đất có trích lục bằng khoán điền thổ số 72, sau đó do mở đường là Quốc lộ 30 hiện nay nên phần đất trên bị chia cắt bởi Quốc lộ 30, hướng Tây Quốc lộ thì đất đã được cấp giấy và không có tranh chấp, hướng Đông Quốc lộ 30 chưa được cấp giấy, vì hiện nay đang tranh chấp. Mục đích sử dụng đất trong giấy điền thổ số 72 là "Ruộng và bắp".

Khi cha bà còn sống thì ông có trực tiếp quản lý đất, sau này là bà S, nhưng có nhiều người đến ở nhờ và sau đó lấn chiếm luôn trong đó có ông C, còn việc ông C ở và lấn chiếm từ khi nào thì bà không biết, cha bà khi còn sống cũng có ủy quyền cho bà S đi khởi kiện đòi lại đất. Sau khi cha bà chết thì bà S là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Bà xác định nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại cho bà S, bà thống nhất cho bà S đứng đơn khởi kiện ông C đòi lại đất theo đo đạc thực tế, nếu đòi lại được đất thì bà S quản lý, sử dụng, bà không tranh chấp và không yêu cầu đối với phần đất trên.

+ Ông Phạm Văn L trình bày:

Ông là anh ruột của bà S. Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông nội ông để

lại cho cha ông là ông Phạm Văn H vào năm 1950, ông không biết rõ diện tích cụ thể bao nhiêu nhưng bà S là người sống cùng cha mẹ từ nhỏ nên biết rõ cụ thể diện tích đất, bà S cũng đã nộp cho Tòa án những chứng cứ có liên quan đến vụ án. Thời Pháp thuộc thì đất có trích lục bằng khoán điền thổ số 72, sau đó do mở đường là Quốc lộ 30 hiện nay nên phần đất trên bị chia cắt bởi Quốc lộ 30, phía Tây Quốc lộ 30 thì đất đã được cấp giấy và không có tranh chấp, phía Đông chưa được cấp giấy, vì hiện nay đang tranh chấp. Mục đích sử dụng đất trong giấy điền thổ số 72 là "Ruộng và bắp". Trước khi tách địa giới hành chính thì đất thuộc xã An B, phần đất tranh chấp này có trong sổ mục kê và ông có đóng thuế nông nghiệp. Khi cha ông còn sống thì ông có trực tiếp quản lý đất, sau này là bà S, nhưng có nhiều người đến ở nhờ và sau đó lấn chiếm luôn trong đó có ông C, còn việc ông C ở và lấn chiếm từ khi nào thì ông không biết, bà S là con sống trong gia đình nên biết rõ. Cha ông khi còn sống cũng có ủy quyền cho bà S đi khởi kiện đòi lại đất. Sau khi cha ông chết thì bà S là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Ông xác định nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại cho bà S, ông thống nhất cho bà S đứng đơn khởi kiện ông C đòi lại đất theo đo đạc thực tế, nếu đòi lại được đất thì bà S quản lý, sử dụng ông không tranh chấp và không yêu cầu đối với phần đất trên.

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Phước V là bà Võ Thị K có trình bày:

Bà là vợ của ông V, chồng bà chết năm 1978, ông V là anh của bà S. Bà và ông V có 01 người con tên Phạm Vĩnh Khoa P, đã lập gia đình và hiện sinh sống tại Thành phố H. Bà có nghe người khác nói bà S khởi kiện ông C, nếu bà S kiện được thì bà S hưởng, bà và con bà không có yêu cầu hay tranh chấp với bất cứ vấn đề gì về phần đất mà bà S kiện ông C.

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Phước V là chị Phạm Vĩnh Khoa P có đơn xin xét xử vắng mặt và không có văn bản trình bày.

+ Bà Lương Thị T, bà Lương Minh T, bà Lương Thị Minh K, anh Lương Văn M cùng trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông Lương Văn M (chết) và bà Lôi Thị K (chết) cho ông Lương Văn D (là cha của ông C) sử dụng nhiều năm. Nay ông C là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Tất cả chúng tôi không có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với phần đất đang tranh chấp này.

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Minh C là chị Lê Thị Ngọc T, chị Lê Thị Ngọc H, chị Lê Thị Ngọc C, chị Lê Thị Ngọc L, chị Lê Thị Ngọc Tr trình bày: Chúng tôi là con của bà Lương Thị Minh C (chết) và ông Lê Văn S (chết) (bà C là con của ông M và bà K). Nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà S với ông C là của ông bà ngoại cho ông D sử dụng nhiều năm. Tất cả không có tranh chấp và yêu cầu gì đối với phần đất đang tranh chấp.

- Những người làm chứng trình bày:

+ Ông Lương Văn H, ông Nguyễn Văn C, ông Đỗ Văn T, bà Nguyễn Thị N, ông Đỗ Trí D, ông Đỗ Văn S, bà Nguyễn Thị M trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà S với ông C là của ông Lương Văn M cho cha ông C là ông Lương Văn

D sử dụng trước năm 1975, phần đất này trước đây có 01 cái hầm, ông D dùng để nuôi cá và nuôi trâu bò, sau đó giao lại cho ông C sử dụng cho đến nay. Phần đất này không phải là của ông Phạm Văn H cha của bà S, đất của ông H là nằm bên phía Tây Quốc lộ 30.

+ Ông Nguyễn Quang B trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa bà S với ông Ch ông hoàn toàn không biết, nhưng vào năm 1984 thì bà S có đến nhờ ông viết dùm đơn khiếu nại các hộ dân đang ở trên phần đất của ba bà là ông Phạm Văn H, trong đó có hộ của bà N và bà V, lúc này ông H còn sống nhưng bị bệnh nên ủy quyền cho bà S đứng ra khiếu kiện. Nội dung trong đơn lúc đó theo bà S trình bày thì các hộ dân đang ở trên phần đất của cha bà (phần đất này theo đơn bà S trình bày là giáp với đất của ông Lương Văn D cha ông C), ông chỉ biết bấy nhiêu ngoài ra không biết gì thêm.

+ Bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị T cùng trình bày:

Vào năm 1982, mẹ bà là bà Nguyễn Thị V về cất nhà ở trên phần đất giáp Quốc lộ 30, phía sau phần đất mà gia đình các bà đang cất nhà ở là phần đất hiện đang tranh chấp giữa bà S với ông C. Phần đất gia đình các bà sử dụng đến năm 2000, bà S và ông H làm đơn khiếu nại cho rằng phần đất gia đình các bà đang sử dụng cùng với hơn 20 hộ dân khác (nằm bên phía Đông Quốc lộ 30) đang sử dụng đất của ông Phạm Văn H, nhưng lúc đó Ủy ban nhân dân huyện Hồ và Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết đều có quyết định là không chấp nhận đơn của ông Phạm Văn H và công nhận cho các hộ đang sử dụng tiếp tục sử dụng.

Đối với phần đất phía sau nhà các bà (là phần đất hiện bà S và ông C đang tranh chấp) thì trước đây là hầm, năm 2012 ông C bơm cát san lắp hầm, ông C cho rằng phần đất gia đình các bà đang sử dụng có lấn qua đất của ông C, nên ông C tranh chấp. Đến năm 2018 thì Tòa án nhân dân thị xã H và Tòa án tỉnh Đồng Tháp giải quyết buộc các bà phải trả giá trị một phần diện tích đất trong diện tích đất mà gia đình các bà đang sử dụng cho ông C vì cho rằng nguồn gốc đất là của ông C, nhưng theo các bà thì diện tích đất mà các bà đang sử dụng nguồn gốc là đất của ông Phạm Văn H (cha bà S), không hiểu vì sao Tòa án lại buộc các bà trả giá trị đất cho ông C. Còn diện tích đất đang tranh chấp giữa bà S với ông C theo các bà biết là của ông H (cha của bà S), vì đất này bà S khiếu nại từ trước đến nay.

+ Ông Trần Văn K trình bày:

Từ năm 1992 đến năm 1996, ông là cán bộ ủy nhiệm thu thuế của xã An B, huyện H (nay là phường An L, thị xã H). Trong thời gian làm cán bộ thuế, ông có kê khai và thu thuế sử dụng đất của ông Phạm Văn H (cha bà S) diện tích 14.583 $m^2$ thu được 02 lần, lúc kê khai ông H cho rằng đất của ông H nằm 02 bên Quốc lộ 30, vị trí đất cụ thể thế nào thì ông không nắm, ông chỉ biết bấy nhiêu, ngoài ra không biết gì thêm.

Tại bản án sơ thẩm số 48/2018/DSST ngày 27/11/2018 của Tòa án thị xã H tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc S về việc yêu cầu ông Lương Văn C trả lại diện tích đất 219,l$m^2$, thuộc thửa đất số 5 và một phần thửa đất số 12, tờ bản đồ số 64 đất tọa lạc khóm An T, phường An L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Công nhận cho ông Lương Văn C được tiếp tục sử dụng phần diện tích đất 219,1m$^2$, thuộc thửa đất số 5 và một phần thửa đất số 12, tờ bản đồ số 64 đất tọa lạc tại khóm An T, phường An L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp. Vị trí:

- Hướng Đông giáp đất ông Lương Văn C (từ mốc 2 đến mốc 3, dài 10,60m và từ mốc 3 đến mốc 4, dài 3,50m);

- Hướng Tây giáp Quốc lộ 30 (từ mốc 1 đến mốc 9, dài 2,50m) và giáp đất bà Bùi Thị N (từ mốc 6 đến mốc 7, dài 8,30m và từ mốc 7 đến mốc 8, dài 3,30m);

- Hướng Nam giáp đất của Lương Văn C (từ mốc 4 đến mốc 5, dài l,50m và từ mốc 5 đến mốc 6, dài 13,50m) và giáp đất bà Bùi Thị N (từ mốc 8 đến mốc 9, dài 11,55m);

- Hướng Bắc giáp đất ông Dương Văn M (từ mốc 1 đến mốc 11, dài 11,55m và từ mốc 11 đến mốc 2, dài 13,95m);

(kèm theo mảnh trích đo địa chính hiện trạng đất tranh chấp số: 59-2018 ngày 12/3/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H).

Ông Lương Văn C có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng theo quy định đối với diện tích đất được sử dụng.

2.Về chi phí thẩm định và định giá: Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc S phải chịu 3.556.000 đồng (đã nộp xong).

3. Về án phí:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.410.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà đã nộp 8.216.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 02473 ngày 02/01/2018 và biên lai thu số 02694 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, bà Phạm Thị Ngọc S được nhận lại số tiền chênh lệch là 5.806.000đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Ngày 07/12/2018 bà Phạm Thị Ngọc S có đơn kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm, bà yêu cầu chấp nhận đơn khởi kiện của bà buộc ông C tháo dỡ, di dời các vật kiến trúc có trên đất để trả lại cho bà phần đất bao chiếm cặp Quốc lộ 30 với tổng diện tích là 219,1m$^2$, thuộc thửa đất số 5 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 64.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phạm Thị Ngọc S vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Ngọc S và xem xét lại phần án phí sơ thẩm cho bà S.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi án sơ thẩm xử, bà S có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Xét yêu cầu kháng cáo của bà S, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà S cho rằng diện tích đang tranh chấp giữa bà với ông C là của cha bà là ông Phạm Văn H, cha bà đã thực hiện việc kê khai và có tên trong sổ mục kê địa chính và có nộp thuế trên phần đất này.

Căn cứ vào các biên lai nộp thuế đứng tên ông H do bà S cung cấp, thì các biên lai này không thể hiện số tiền mà ông H đóng thuế là phần đất nào, nên không thế xác định ông H nộp thuế là phần đất đang tranh chấp.

Theo Công văn số: 100/CV-CCT ngày 15/11/2018 của Chi cục thuế huyện H xác nhận do thời gian quá lâu, qua 03 lần di dời Cơ quan thuế nên hiện nay không còn tài liệu lưu trữ để xác định phần tiền thuế theo các biên lai mà ông H đứng tên nộp thuế là diện tích đất nào và theo lời khai của ông Trần Văn K là cán bộ ủy nhiệm thu thuế của xã nơi có đất tranh chấp cũng xác định khi ông làm công tác thu thuế thì ông có thu thuế do ông H kê khai nộp là trên diện tích 14.583m$^2$ thu 02 lần, bản thân ông K cũng không biết rõ vị trí đất mà ông H kê khai nộp thuế như thế nào. Từ những chứng cứ nêu trên, xét việc bà S cho rằng phần đất đang tranh chấp giữa bà với ông C trước đây do cha bà trực tiếp nộp thuế sử dụng đất là chưa có cơ sở để chấp nhận.

[2] Theo Công văn số: 1274/UBND-HC ngày 22/10/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã H xác định: "- ***Diện tích đất tranh chấp 219,1m$^2$ thuộc một phần thửa đất số 12 và thửa đất số 5, tờ bản đồ số 64, đất tọa lạc tại phường An L, theo sổ mục kê thì thửa đất số 5 chưa có tên chủ sử dụng, thửa đất số 12 tên Lương Văn C, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên chưa có tên trong sổ địa chính. Phần đất này chủ sử dụng được kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên việc xác lập thủ tục cấp giấy phải đảm bảo theo quy định;***

***- Diện tích 219,1m$^2$ thuộc thửa số 12 và thửa số 5, tờ bản đồ số 64 không nằm trong Quyết định 512/QĐ-UB-NĐ, ngày 16/10/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp"***. Như vậy việc bà S nại ra phần đất tranh chấp do cha bà là ông H đứng tên trong sổ mục kê địa chính là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa bà S thừa nhận vào năm 2001, 2002 khi ông H khiếu nại các hộ đang ở trên phần đất của ông, ông H không có khiếu nại hộ ông C đang ở và sử dụng trên phần đất đang tranh chấp, điều này phù hợp với lời khai của những người làm chứng như ông Lương Văn H, ông Nguyễn Văn C, ông Đỗ Văn T, bà Nguyễn Thị N, ông Đỗ Trí D, ông Đỗ Văn S, bà Nguyễn Thị M cho rằng diện tích đất đang tranh chấp giữa bà S với ông C là đất ở phía Đông Quốc lộ 30, phần đất này nguồn gốc là của ông Lương Văn M (ông M đã có giấy "Chứng thư cấp quyền sở hữu" thời chế độ cũ được cấp vào năm 1971) cho cha ông C là ông Lương Văn D sau đó ông D cho lại ông C sử dụng từ trước năm 1975 cho đến nay. Còn đất của ông H cha bà S là nằm bên phía Tây của Quốc lộ 30, không liên quan đến phần đất tranh chấp, như vậy chứng tỏa diện tích bà S đang tranh chấp nguồn gốc không phải của ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà S cũng xác định thửa số 5 và một phần thửa đất số 12, tờ bản đồ số 64 là thửa độc lập không liên quan đến các thửa mà bà khiếu nại

trong Quyết định 512/QĐ-UB-NĐ, ngày 16/10/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết.

Từ những phân tích trên, xét án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc S về việc yêu cầu ông Lương Văn C trả lại diện tích đất 219,lm$^2$, thuộc thửa đất số 5 và một phần thửa đất số 12, tờ bản đồ số 64 đất tọa lạc khóm An T, phường An L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp. Công nhận cho ông Lương Văn C được tiếp tục sử dụng phần diện tích đất 219,1m$^2$, thuộc thửa đất số 5 và một phần thửa đất số 12, tờ bản đồ số 64 là hoàn toàn có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà S. Tuy nhiên, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất của bà S và buộc bà phải chịu 2.410.000đ án phí sơ thẩm là chưa đúng theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nên Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

Do sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí, nên bà S không phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà S, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí của Tòa án thị xã H. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Ngọc S.

2. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 48/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã H về phần án phí.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc S về việc yêu cầu ông Lương Văn C trả lại diện tích đất 219,lm$^2$, thuộc thửa đất số 5 và một phần thửa đất số 12, tờ bản đồ số 64 đất tọa lạc khóm An T, phường An L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Công nhận cho ông Lương Văn C được tiếp tục sử dụng phần diện tích đất 219,1m$^2$, thuộc thửa đất số 5 và một phần thửa đất số 12, tờ bản đồ số 64 đất tọa lạc tại khóm An T, phường An L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp. Vị trí:

- Hướng Đông giáp đất ông Lương Văn C (từ mốc 2 đến mốc 3, dài 10,60m và từ mốc 3 đến mốc 4, dài 3,50m);

- Hướng Tây giáp Quốc lộ 30 (từ mốc 1 đến mốc 9, dài 2,50m) và giáp đất bà Bùi Thị N (từ mốc 6 đến mốc 7, dài 8,30m và từ mốc 7 đến mốc 8, dài 3,30m);

- Hướng Nam giáp đất của ông Lương Văn C (từ mốc 4 đến mốc 5, dài l,50m và từ mốc 5 đến mốc 6, dài 13,50m) và giáp đất bà Bùi Thị N (từ mốc 8 đến mốc 9, dài 11,55m);

- Hướng Bắc giáp đất ông Dương Văn M (từ mốc 1 đến mốc 11, dài 11,55m và từ mốc 11 đến mốc 2, dài 13,95m);

(kèm theo mảnh trích đo địa chính hiện trạng đất tranh chấp số: 59-2018 ngày 12/3/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H).

Ông Lương Văn C có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng theo quy định đối với diện tích đất được sử dụng.

4.Về chi phí thẩm định và định giá: Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc S phải chịu 3.556.000 đồng (đã nộp xong).

5. Về án phí:

Bà Phạm Thị Ngọc S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà đã nộp 8.216.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 02473 ngày 02/01/2018 và biên lai thu số 02694 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, bà Phạm Thị Ngọc S được nhận lại số tiền chênh lệch là 7.916.000 đồng.

6. Án phí phúc thẩm:

- Bà Phạm Thị Ngọc S không phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, bà được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0002741 ngày 11/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H;
- TAND thị xã H;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Trần Phước Hội**